

## KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

### Thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2017-2020 lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1404/QĐ-UBND, ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 05/5/2016 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 391/QĐ-UBND, ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tỉnh Đắk Nông và Quyết định số 559/QĐ-UBND, ngày 03/4/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2017-2020 trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo như sau:

#### Phần 1

### ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VỀ LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở TỈNH ĐẮK NÔNG.

#### I. Những tiêu chí nông thôn mới trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

Tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, về lĩnh vực giáo dục và đào tạo gồm các tiêu chí:

##### 1. Tiêu chí 5: Trường học.

Tỷ lệ Trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.

##### 2. Tiêu chí 14: Giáo dục và Đào tạo

14.1: Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

14.2: Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp): Đây chính là phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS .

#### II. Thực trạng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Nông



## 1. Thực trạng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học các trường học đạt chuẩn quốc gia (theo tiêu chí 5.)

### 1.1. Quy mô trường lớp và CSVC các trường học

Năm học 2016-2017, toàn tỉnh có 113 trường mầm non (1.215 lớp); 142 trường tiểu học (2.405 lớp); 83 trường THCS (1.170 lớp); 31 trường trung học phổ thông (513 lớp).

Về CSVC giáo dục mầm non: toàn tỉnh có 956 phòng học, đáp ứng 78,7% phòng học thực hiện chương trình giáo dục mầm non; trong đó có 96,5% phòng học kiên cố và bán kiên cố, 3,5% phòng học tạm, phòng học mượn.

Về CSVC giáo dục tiểu học: toàn tỉnh có 2.269 phòng học, đáp ứng 94,3% phòng học thực hiện hai buổi/ngày; trong đó có 96,8% phòng học kiên cố và bán kiên cố, 3,2% phòng học tạm, phòng học mượn. Về thiết bị, toàn tỉnh có 89 thư viện, 30 phòng thiết bị giáo dục, 831 máy vi tính; còn 37,3% trường chưa có thư viện, 78,8% trường chưa có phòng thiết bị giáo dục.

Về CSVC giáo dục THCS: toàn tỉnh có 892 phòng học, đáp ứng 76,2% phòng học thực hiện hai buổi/ngày, có 168 phòng học bộ môn; trong đó có 98,4% phòng học kiên cố và bán kiên cố, 1,6% phòng học tạm, phòng học mượn, có 11 phòng học đa năng, còn 86,8% trường chưa có phòng học đa năng. Về thiết bị, toàn tỉnh có 57 thư viện, 42 phòng thiết bị giáo dục, 1.914 máy vi tính; còn 31,3% trường chưa có thư viện, 49,4% trường chưa có phòng thiết bị giáo dục.

Về CSVC giáo dục Trung học phổ thông (THPT): toàn tỉnh có 556 phòng học, đáp ứng 100% phòng học thực hiện hai buổi/ngày, có 127 phòng học bộ môn; trong đó có 99,1% phòng học kiên cố và bán kiên cố, 0,9% phòng học tạm, phòng học mượn. Toàn tỉnh có 24 nhà đa năng, còn 22,5% trường chưa có nhà đa năng. Về thiết bị, toàn tỉnh có 30 thư viện, 25 phòng thiết bị giáo dục, 1.761 máy vi tính; còn 3,3% trường chưa có thư viện, 19,4% trường chưa có phòng thiết bị giáo dục.

### 1.2 Tình hình xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia

Trong nhiều năm, để thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, các địa phương tập trung xây dựng cơ sở vật chất trường học, đảm bảo không có tình trạng học ca 3. Đến nay, tình hình trường học đạt chuẩn quốc gia thể hiện bảng sau:

TT	Toàn tỉnh		Mầm non		Tiểu học		THCS		THPT	
	số trường	%	số trường	%	số trường	%	số trường	%	số trường	%
1	99	26,8	18	15,9	44	30,9	28	33,7	9	29,0

### 1.3 Đánh giá về thực trạng CSVC và trường chuẩn quốc gia

#### 1.3.1 Mật mạnh

Trong những năm qua, sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông đã không ngừng phát triển về quy mô học sinh, Chính quyền các cấp đã tập trung đầu tư xây



dựng CSVC trường học, nên diện mạo các trường phổ thông ngày càng khang trang hơn, đảm bảo phòng học để không có tình trạng học ca 3, có nhiều trường học đã triển khai mô hình học 2 buổi/ngày. Trang thiết bị dạy học hàng năm được bổ sung và hoàn thiện dần, góp phần đáng kể vào việc nâng cao chất lượng dạy và học.

### *1.3.2 Mặt yếu*

CSVC trường học nhìn chung chưa đồng bộ, nên phần lớn chưa đạt các tiêu chí 5; nhiều trường mầm non, tiểu học còn thiếu phòng học; phần lớn các trường học ở nông thôn thiếu phòng bộ môn, phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính quản trị, nhất các trường mầm non và tiểu học.

Một bộ phận trường học, đặc biệt giáo dục mầm non còn thiếu diện tích đất đai theo quy định, nhưng do chưa có quy hoạch nên rất khó khăn trong việc mở rộng diện tích.

Ngân sách đầu tư phát triển cho xây dựng trường chuẩn còn hạn chế, dàn trải, khả năng huy động nguồn lực từ xã hội hóa còn khó khăn, nên việc phát triển quy mô trường đạt chuẩn quốc gia còn chậm; đây là khó khăn lớn nhất để thực hiện kế hoạch.

## **2. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở (theo tiêu chí 14).**

### **2.1. Về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.**

Tháng 12/2016 tỉnh Đắk Nông được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và Tỉnh Đắk Nông có 71/71 xã, 8/8 huyện thị xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Cụ thể:

- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 97,68%.
- 100% số trẻ trong độ tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non (mẫu giáo từ 5 – 6 tuổi).

### **2.2. Về xóa mù chữ.**

Từ năm 2012 đến nay toàn tỉnh đã huy động được 319 học viên xóa mù chữ. Có 71/71 xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ.

Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15-60 đạt 94,52%.

### **2.3. Về phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.**

- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 năm học 2015-2016 là 99,34%.
- Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học 92,37%.
- Tổng số xã đạt chuẩn Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 1: 71/71 xã, phường, thị trấn đạt 100%.

### **2.4. Về Phổ cập giáo dục THCS.**

Tháng 12/2009 tỉnh Đắk Nông được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS. Cho đến nay tỉnh Đắk Nông có 71/71 xã, 8/8 huyện thị xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS. Cụ thể:



- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 là 98,57%.
- Tỷ lệ trẻ từ 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học là 96,18%.
- Tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS là 87,43%

**+ Tình hình phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS.**

Năm học 2016-2017, toàn có 8.396 học sinh tốt nghiệp THCS, được phân luồng như sau:

- Tuyển vào học lớp 10 tại các trường THPT: 7.536 em, tỷ lệ 89,8%.
- Tuyển vào lớp 10 tại các trung tâm GDNN- GDTX: 151 em, tỷ lệ 1,8 %.
- Học nghề và tham gia lao động sản xuất: 709 em, tỷ lệ 8,4 %

**2.3. Đánh giá thực trạng phổ cập trung học**

*2.3.1 Mặt mạnh*

Tỉnh đã hoàn thành kế hoạch Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở với kết quả tương đối cao; mạng lưới các trường mầm non, tiểu học, THCS bố trí hợp lý, thuận lợi cho việc học tập của con em, nhất là vùng nông thôn. Nhờ thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ học tập nên tỷ lệ học sinh đi học mầm non, tiểu học, THCS và THPT ngày càng cao.

*2.3.2 Mặt yếu*

Việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS chưa cân đối, chưa phù hợp với yêu cầu phát triển nguồn lao động của tỉnh; phần lớn học sinh sau tốt nghiệp THCS, rất ít học sinh tốt nghiệp THCS vào các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề. Liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp với các bậc học khác trong hệ thống giáo dục còn nhiều khó khăn.

Hoạt động giáo dục hướng nghiệp còn hạn chế. Nhận thức của đa số phụ huynh và học sinh còn thiên về đại học, cao đẳng, xem nhẹ việc học nghề, mặt khác nhu cầu tuyển dụng đối với người học nghề trên địa bàn tỉnh còn thấp.

Chất lượng phổ cập giáo dục THCS ở các bon đồng bào dân tộc thiểu số còn bấp bênh, trong đó còn nhiều thanh niên dân tộc thiểu số chưa tốt nghiệp THCS.

**Phần 2**

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VỀ LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở TỈNH ĐẮK NÔNG GIAI ĐOẠN 2017-2020.**

**I. Mục tiêu.**

**1. Mục tiêu chung.**

Đẩy mạnh xây dựng CSVC và thiết bị dạy học ở trường học nông thôn và duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở, mở rộng quy mô học sinh THPT hài hòa với việc phát triển đào tạo nghề nhằm xây dựng nông



thôn mới, ngày càng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

## **2. Mục tiêu cụ thể.**

- Đến năm 2020: Có ít nhất 22/61 xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về trường học ở nông thôn có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia; có ít nhất 55/61 xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo.

## **II. Nhiệm vụ và giải pháp.**

### **1. Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa về xây dựng cơ sở vật chất trường học, giáo dục và chăm sóc trẻ mầm non, phổ thông và đào tạo nghề cho thanh niên nông thôn.**

Thực hiện nhiệm vụ này với các giải pháp chủ yếu:

1.1 Tổ chức Tuyên truyền nâng cao nhận thức của các lực lượng xã hội về xã hội hóa giáo dục. Tập trung huy động các nguồn lực trong xã hội bằng cách huy động sự đóng góp của các cấp, các ngành, của mọi cá nhân, tập thể, góp phần vào quá trình xây dựng trường chuẩn quốc gia trên địa bàn toàn tỉnh. Thường xuyên phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, các kinh nghiệm về huy động nguồn lực trong xã hội để phát triển giáo dục.

1.2 Mở rộng phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” ra toàn xã hội, gắn kết chặt chẽ kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia với tiêu chí xây dựng CSVC và thiết bị dạy học trường học chuẩn Nông thôn mới, làm cho việc thực hiện xây dựng CSVC và thiết bị dạy học trường học và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở phải trở thành nhiệm vụ chính trị của địa phương và các cơ quan liên quan.

1.3 Tổ chức sơ kết, tổng kết và biểu dương khen thưởng kịp thời những đóng góp xuất sắc của cá nhân, tập thể tham gia các hoạt động xã hội hóa giáo dục đúng pháp luật và hiệu quả thiết thực.

### **2. Tập trung xây dựng CSVC, tăng cường trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.**

Thực hiện nhiệm vụ này với các giải pháp chính:

2.1 Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển cơ sở giáo dục đến 2020 và định hướng đến năm 2030, trên cơ sở quy hoạch quỹ đất công dành cho phát triển GD&ĐT, qua đó thực hiện việc mở rộng diện tích đủ chuẩn, điều chỉnh điểm trường cho phù hợp, bảo đảm có sân chơi, bãi tập cho học sinh. Chú trọng mở rộng số lượng và bảo đảm chất lượng các công trình vệ sinh, nước sạch để phấn đấu đến năm 2015 toàn bộ các trường có hệ thống nước sạch.

2.2 Tập trung xây dựng mới về phòng học, các phòng chức năng, khu hiệu bộ, khu nhà vệ sinh, công tường rào... và trang thiết bị dạy học bên trong để các trường đủ điều kiện đạt chuẩn quốc gia. Việc đầu tư phải có trọng điểm, dứt điểm từng công trình, không dàn trải nhiều năm làm ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học.



2.3 Tăng cường việc quản lý, sử dụng trang thiết bị dạy học, ưu tiên giáo dục mầm non, tiểu học và THCS. Sử dụng có hiệu quả các phòng học bộ môn, thư viện, thiết bị, phòng chức năng khác để hỗ trợ giảng dạy. Tổ chức các phong trào tự làm đồ dùng dạy và học của giáo viên và học sinh.

2.4. UBND các huyện, thị xã hằng năm cân đối ngân sách phù hợp và huy động mọi nguồn lực để thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn cần thiết, liên quan đến cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học nhằm bảo đảm việc xây dựng trường chuẩn quốc gia tại địa phương theo lộ trình đề ra.

**3. Nhất quán quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, ưu tiên huy động nguồn lực đầu tư xây dựng CSVC, trang thiết bị dạy học và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.**

Thực hiện nhiệm vụ này với các giải pháp chủ yếu:

3.1 Tập trung nguồn vốn, trên cơ sở lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án như: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; chương trình mục tiêu về giáo dục và đào tạo, chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn, chương trình 135, chương trình kiên cố hóa trường học, chương trình xóa đói giảm nghèo,..., các dự án hỗ trợ phát triển giáo dục, Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Đắk Nông.

3.2 Tổ chức thực hiện hai kế hoạch:

+ Kế hoạch số 142/KH-UBND, ngày 25/4/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc dạy và học ngoại ngữ trong các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2020: xây dựng 1.700 phòng học, phòng chức năng và mua sắm 461 bộ thiết bị dạy và học ngoại ngữ. Tổng kinh phí 752, 300 tỷ đồng.

+ Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020: Tổng kinh phí thực hiện là 46,950 tỷ đồng (trong đó: giai đoạn 2016-2018 với số kinh phí 22,727 tỷ đồng, giai đoạn 2019-2021 với số kinh phí 24,223 tỷ đồng).

+ Kế hoạch Xây dựng trường học trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đang trình UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định với số trường dự kiến xây dựng đạt chuẩn quốc gia là 35 trường của 22 xã thuộc chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới và xã biên giới với tổng số kinh phí xây dựng, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị là 261,201 tỷ đồng.

3.3 Đẩy mạnh xã hội hóa, vận động nhân dân, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp tự nguyện đóng góp kinh phí hợp pháp xây dựng CSVC trường học, mua sắm thiết bị dạy học.

**4. Tiếp tục phát triển số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.**

Thực hiện nhiệm vụ này với các giải pháp chủ yếu:



4.1 Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý theo quy định của Bộ GD&ĐT cho CBQL các ngành học, cấp học, đặc biệt chú trọng đến các nội dung tác nghiệp để học bao quát công việc, có được những khả năng lập kế hoạch, tổ chức và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

4.2 Đổi mới công tác tuyển dụng và cán bộ, bổ nhiệm cán bộ mới là những người đã được đào tạo hoàn chỉnh, hạn chế tình trạng bổ nhiệm khi chưa đủ chuẩn và phải đào tạo lại. Thực hiện tốt công tác quy hoạch đội ngũ kế thừa, không để xảy ra tình trạng hụt hẫng nguồn cán bộ quản lý.

4.3 Xây dựng các chính sách địa phương để thu hút CBQL, giáo viên giỏi.

4.4 Thực hiện việc đánh giá hiệu trưởng, giáo viên chặt chẽ, nghiêm túc; tổ chức tốt các cuộc thi giáo viên dạy giỏi, khen thưởng kịp thời những cán bộ QLGD và giáo viên có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng nông thôn mới.

**5. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng dạy và học, hạn chế tình trạng học sinh bỏ học, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm để duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở.**

Thực hiện nhiệm vụ này với các giải pháp chủ yếu:

5.1 Phát huy việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông, tiếp tục có biện pháp tăng cường trách nhiệm cá nhân, khuyến khích giáo viên chủ động, sáng tạo trong truyền đạt kiến thức không quá cứng nhắc trong việc thực hiện chương trình mà không mang lại hiệu quả.

5.2 Tăng cường các biện pháp củng cố chất lượng giáo dục các cấp học nền tảng (mẫu giáo 5 tuổi, các lớp giáo dục tiểu học, THCS). Gia tăng các biện pháp duy trì và nâng chất lượng công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục, từng bước mở rộng quy mô dạy 2 buổi/ngày, trường lớp bán trú.

5.3 Đẩy mạnh xã hội hóa, phối hợp rộng rãi với các tổ chức đoàn thể, tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực chăm lo việc học tập của con em, hạn chế tình trạng học sinh bỏ học.

**6. Tiếp tục đổi mới công tác giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông.**

Thực hiện nhiệm vụ này với các giải pháp chủ yếu:

6.1 Tuyên truyền mạnh mẽ công tác giáo dục hướng nghiệp và công tác tuyển sinh vào các trường TCCN, dạy nghề trên địa bàn thông qua các phương tiện đại chúng làm cho nhân dân có nhận thức đúng đắn về chủ trương phân luồng của Trung ương và của tỉnh.

6.2 Nâng cao hơn nữa chất lượng của công tác giáo dục hướng nghiệp ở các trường THCS theo chương trình mới đã được Bộ GD&ĐT ban hành. Đẩy mạnh công tác tư vấn nghề nghiệp cho học sinh phổ thông, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác giáo dục hướng nghiệp để góp phần phân luồng và chuẩn bị cho học sinh lớp 9 lựa chọn các ban học ở trường THPT, trung tâm GDTX và lựa chọn ngành nghề học để phù hợp với năng lực của bản thân và yêu cầu đào tạo nguồn



nhân lực phục vụ cho công tác phát triển KT-XH ở địa phương. Huy động các tổ chức kinh tế- xã hội, các doanh nghiệp ở địa phương tham gia vào quá trình giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông.

6.3 Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm GDTX, các trung tâm dạy nghề, tạo điều kiện thuận lợi để các đối tượng học sinh có thể tham gia học tập theo các hình thức phù hợp với điều kiện, khả năng kinh tế cũng như hoàn cảnh cụ thể của mình. Tiếp tục phát triển hệ thống các trung tâm học tập cộng đồng theo hướng xây dựng xã hội học tập.

6.4 Mở rộng quy mô các trường THPT khi có nhu cầu, đi đôi với việc củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, đảm bảo cho tất cả học sinh sau khi tốt nghiệp có đủ khả năng để tiếp tục học nghề hoặc bước vào đời.

**7. Phát triển các trung tâm học tập cộng đồng(HTCĐ), đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm, kiên trì thực hiện chương trình xóa mù chữ và bổ túc văn hóa, mở rộng các chương trình đào tạo nghề ngắn hạn, phổ biến kiến thức, kỹ năng khoa học nhằm tăng năng suất lao động và chất lượng cuộc sống.**

Thực hiện nhiệm vụ này với các giải pháp chủ yếu:

7.1 Đảng ủy và UBND xã trực tiếp lãnh đạo thành lập mỗi xã có 01 trung tâm học tập cộng đồng, chỉ đạo kế hoạch và chương trình hoạt động của trung tâm phù hợp với nhu cầu học tập của người lao động và yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

7.2 Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của trung tâm HTCĐ; tăng cường sự phối hợp của các tổ chức đoàn thể xã hội, vận động đông đảo nhân dân tham gia các hoạt động của trung tâm.

7.3 Củng cố Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục cấp xã, tiếp tục quản lý chặt chẽ hồ sơ phổ cập giáo dục, tăng cường hiệu quả của Ban chỉ đạo cấp xã trong mọi hoạt động giáo dục ở địa phương.

### **III. Kế hoạch thực hiện các tiêu chí đến năm 2020.**

- **Thực hiện tiêu chí 5:** Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh các công trình đảm bảo đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. Hỗ trợ xây dựng trường mầm non cho các xã thuộc vùng khó khăn chưa có trường mầm non công lập. Phân đấu đến năm 2020, có ít nhất 22/61 xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về trường học .

- **Thực hiện tiêu chí 14:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo trong Bộ tiêu chí nông thôn mới. Phân đấu đến năm 2020, có ít nhất 55/61 xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi: Bảo đảm hầu hết trẻ em 5 tuổi ở mọi vùng miền được đến lớp để thực hiện chăm sóc, giáo dục 02 buổi/ngày, đủ một năm học, nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, tiếng Việt và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để trẻ em vào lớp 1.



- Xóa mù chữ và chống tái mù chữ: Đến năm 2020, độ tuổi 15-60: tỷ lệ biết chữ đạt 94% (trong đó tỷ lệ biết chữ của người Dân tộc thiểu số đạt 90%); độ tuổi 15-35: tỷ lệ biết chữ đạt 96% (trong đó tỷ lệ biết chữ của người Dân tộc thiểu số đạt 92%). 100% đơn vị cấp tỉnh, huyện, 95% đơn vị cấp xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức 2.

- Phổ cập giáo dục tiểu học: Đến năm 2020, duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học 8/8 đơn vị cấp huyện, thị xã; huy động được 99,7% trẻ 6 tuổi vào học lớp 1, tỉ lệ lưu ban và bỏ học ở tiểu học dưới 0,5%. 100% đơn vị cấp huyện và 99,5% đơn vị cấp xã phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi theo quy định của Chính phủ.

- Thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Đến năm 2020, duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên 8/8 huyện, thị xã.

#### **IV. Tổ chức thực hiện**

1- Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn UBND các huyện, thị xã tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo với lộ trình, giải pháp cụ thể, khả thi, phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương (huyện, xã), đồng thời tác động, hỗ trợ, tạo điều kiện để các xã triển khai thực hiện tốt các tiêu chí nông thôn mới thuộc lĩnh vực GD&ĐT.

2- Sở Giáo dục và Đào tạo tích cực phối hợp chặt chẽ với các Sở ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thị triển khai thực hiện kế hoạch, định kỳ có tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện đồng thời đề ra các giải pháp phù hợp để đảm bảo đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra.

#### **V. Đề xuất, kiến nghị**

##### **1. Đối với tỉnh**

Việc thực hiện kế hoạch triển khai thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2017-2020 trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo có ý nghĩa rất lớn đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh. Vì vậy, kính đề nghị UBND tỉnh ưu tiên phân bổ Ngân sách, nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện kế hoạch trên.

##### **2. Đối với các huyện, thị xã**

Căn cứ vào kế hoạch này, đề nghị UBND các huyện, thị xã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức chỉ đạo các cơ sở giáo dục, chính quyền các xã và các cơ quan liên quan thực hiện.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐCTMTQGXDNTM tỉnh (để báo cáo);
- Các phòng GD&ĐT (để thực hiện);
- Các đơn vị trực thuộc Sở (để thực hiện);
- Lưu: VT; VP; KH-TC.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Toàn**



